Trich giang Tieu Bo - Tien Than 418

Kinh Tiểu Giảng

Trich giang Tieu Bo - Tien Than 418

Vietnamese, with Unicode Times font

Trích giảng Tiểu Bộ Kinh

Nguyên Tâm Trần Phương Lan

Tiểu Bộ Kinh - Chuyện Tiền Thân

Chuyện Tám tiếng kêu

(418. Tiền thân Atthasadda)

"Ngày xưa thường gọi chốn này..."

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong thời trú tại Jetavana (Kỳ Viên) về một tiếng động kinh hoàng không phân biệt được mà vua Pasenadi (Ba Tư Nặc) xứ Kosala (Kiều Tát La) đã nghe lúc nửa đêm.

Hoàn cảnh này đã được tả trong Tiền thân Lohakumbhi số 314. Tuy nhên lần này vua hỏi:

-- Bạch Thế Tôn, việc trẫm nghe tám tiếng kêu ấy có mang lại điều gì chăng?

Bậc Đạo Sư đáp:

-- Này Đại vương, đừng sợ hãi: không có mối nguy hiểm gì xảy ra cho Đại vương do các tiếng kêu ấy. Những âm thanh kinh hoàng khó phân biệt như thế không chỉ một mình Đại vương nghe được, mà các quân vương ngày xưa cũng đã từng nghe những âm thanh tương tự và dự định theo lời khuyên của các Bà la môn dâng tế lễ bốn loại sinh vật, nhưng sau khi nghe các bậc hiền trí khuyên nhủ, các vua ấy đã thả tự do cho bầy súc vật được thâu góp để tế đàn và truyền đánh trống ra lệnh cấm mọi việc sát sinh. Rồi theo lời thỉnh cầu của vua, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

N gày xưa khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba La Nại, Bồ tát được sinh vào một gia đình Bà la môn có gia sản đến tám trăm triệu đồng tiền.

Khi lớn lên, ngài học mọi ngành nghệ thuật tại Kakkasilà. Sau khi cha mẹ qua đời, ngài xem xét tất cả các kho tàng, từ bỏ mọi của cải bằng cách bố thí, đoạn trừ tham dục và đến vùng Tuyết Sơn trở thành một vị khổ hạnh chuyên tâm nhập định.

Sau một thời gian, ngài trở về chốn cư trú của quần chúng để tìm muối và giấm, đến tận Ba La nại, nghỉ ngơi trong ngự viên. Thời ấy vua Ba La Nại nghe tám tiếng kêu lớn trong lúc đang ngủ trên vương sàng khoảng nửa đêm: đầu tiên, một con hạc kêu trong vườn gần hoàng cung; thứ hai ngay sau khi hạc kêu, một con quạ cái kêu từ cổng chuồng voi; thứ ba, một côn trùng kêu ở nóc hoàng cung; thứ tư, một con sơn ca thuần

dưỡng kêu trong hoàng cung; thứ năm, một con nai thuần dưỡng cũng kêu tại chỗ ấy; thứ sáu, một con khỉ thuần dưỡng cũng kêu tại đó; thứ bảy, một vị tiểu thần sống trong hoàng cung cất tiếng kêu than; và thứ tám ngay sau tiếng kêu cuối cùng ấy, một vị Độc giác Phật thốt ra một âm thanh đầy hoan lạc khi bay qua mái hoàng cung tiến về phía ngự viên.

Vua rất kinh hãi khi nghe tám tiếng kêu trên, hôm sau liền tham vấn các Bà la môn. Họ đồng đáp:

-- Tâu Đại vương, tai hoạ sắp xảy ra với Đại vương, hãy cho phép chúng thần dâng lễ tế đàn ngoài hoàng cung.

Rồi khi được vua cho phép họ làm điều sở thích, họ hoan hỷ đến và bắt đầu chuẩn bị tế đàn. Bấy giờ, một đệ tử trẻ tuổi của vị Tế sư Bà la môn trưởng thượng rất thông thái đa văn, vị ấy thưa với thầy:

-- Bạch Tôn sư, không nên gây nhiều việc sát hại sinh vật độc ác và thô bạo như vậy.

-- Này đệ tử, con biết gì về việc này chứ? Cho dù chẳng có gì khác xảy ra, chúng ta cũng được ăn một mẻ cá thịt no nê thỏa thích!

-- Bạch Tôn sư, đừng vì cái bụng mà tạo ác nghiệp đưa đến tái sinh trong địa ngục.

Nghe vậy, các Bà la môn kia tức giận vị đệ tử muốn làm hỏng các mối lợi của họ.

Vị đệ tử sợ hãi đáp:

-- Thôi được, xin cứ tìm cách lấy thật nhiều cá thịt để ăn.

Rồi chàng rời kinh thành đi tìm một vị khổ hạnh thuần thành có khả năng ngăn cản vua việc tế đàn kia. Chàng vào ngự viên và thấy Bồ tát, chàng đảnh lễ ngài và hỏi:

-- Tôn giả không có lòng bi mẫn các sinh vật sao? Vua đã ra lệnh làm tế đàn gây chết chóc cho nhiều sinh vật. Tôn giả không muốn giải thoát cho cả đám sinh linh ấy sao?

-- Này thanh niên Bà la môn, ta không biết vua nước này, và vua cũng không biết ta.

-- Bạch Tôn giả, ngài có biết hậu quả của các âm thanh mà vua đã nghe sẽ ra sao chăng?

-- Ta biết chứ?

-- Nếu tôn giả biết, tại sao ngài không bảo vua?

-- Này thanh niên Bà la môn, làm sao ta có thể kiêu hãnh đến bảo vua: "Ta biết!" đã chứ? Nếu vua đến hỏi ta, ta sẽ báo cho ngài.

Vị Bà la môn trẻ tuổi vội vàng đến cung đình, và khi được hỏi có việc gì, chàng bảo:

-- Tâu Đại vương, có một vị khổ hạnh biết nguyên nhân các âm thanh mà Đại vương đã nghe. Ngài đang ngồi trên vương tọa trong ngự viên và bảo ngài sẽ trình bày với Đại vương nếu Đại vương hỏi. Xin Đại vương hãy làm như vậy.

Vua vội vàng đến kính lễ vị khổ hạnh và sau khi ân cần chào nhau, vua ngồi xuống và hỏi:

-- Có thật tôn giả biết nguyên nhân tám tiếng kêu mà trẫm đã nghe chăng?

-- Tâu Đại vương phải.

-- Vậy xin Tôn giả nói cho trẫm.

-- Tâu Đại vương, không có gì nguy hiểm liên hệ đến các âm thanh kia. Trước hết, có một con hạc trong ngự viên cũ của Đại vương thiếu thức ăn nên đói lả gần chết và thốt tiếng kêu ấy.

Như thế do tri kiến của mình, ngài vừa nêu rõ ý nghĩa tiếng kêu của con hạc, vừa ngâm vần kệ đầu:

Tiếng hạc:

Ngày xưa thường gọi chốn này

Ao sâu, tôm cá lội đầy tung tăng

Là nơi cư trú hạc vương

Tổ tiên ta cũng sống thường trước kia

Dẫu ăn ếch nhái bây giờ

Chúng ta không thể xa bờ ao xưa.

-- Tâu Đại vương, đó là tiếng kêu của con hạc trong cơn đói lả; nếu Đại vương muốn nó khỏi đói, xin hãy ra lệnh dọn vườn sạch sẽ và đổ nước đầy ao.

Vua liền bảo một vị triều thần sai người làm việc này.

-- Tâu Đại vương, có con quạ cái ở trên cổng chuồng voi của hoàng gia. Nó thốt tiếng kêu thứ hai khóc thương con nó. Đại vương không nên sợ việc này.

Và ngài ngâm vần kệ thứ hai:

Tiếng quạ:

Anh chàng một mắt Ban-ra

Là ai mà cứ phá nhà của tôi?

Bầy chim mới nở, than ôi!

Ai người thân thiện cứu tôi khốn cùng?

Rồi ngài hỏi vua về tên của người trưởng quản tượng ở chuồng voi:

-- Thưa Tôn giả, tên y là Bandhura.

-- Tâu Đại vương, y chỉ có một mắt ư?

-- Thưa Tôn giả, phải.

-- Tâu Đại vương, có một con quạ làm tổ trên cổng chuồng voi, nó đẻ trứng tại đó và đúng kỳ hạn trứng đã nở thành chim non. Mỗi khi người quản tượng ra vào chuồng voi để chăm sóc voi, y hay lấy cái móc đập vào con quạ và tổ chim non để phá tổ. Con quạ trong lúc nguy khốn chỉ muốn mổ mắt y nên thốt ra tiếng kêu ấy. Nếu Đại vương có thiện ý với nó, xin hãy truyền Bandhura vào chầu và cấm y phá tổ quạ.

Vua truyền gọi Bandhura vào, khiển trách y và giao chuồng voi cho kẻ khác.

-- Tâu Đại vương, trên nóc hoàng cung có một con mọt gỗ; nó đã ăn hết gỗ sung tại đó và không thể ăn thứ gỗ cứng hơn. Vì thiếu thức ăn và không thể bò ra ngoài, nên nó thốt tiếng kêu thứ ba để than vãn. Đại vương không cần sợ nó.

Rồi nhờ tri kiến của mình, ngài vừa nêu ra ý nghĩa tiếng mọt gỗ kêu vừa ngâm vần kệ thứ ba:

Tiếng mọt gỗ:

Ta vừa ăn hết gỗ sung,

Mọi nơi ta đã đi vòng quanh co.

Gỗ nào cứng, mọt khó ưa,

Còn thức ăn khác ở xa dưới mình!

Vua bảo một cung nhân tìm cách giải thoát con mọt.

-- Tâu Đại vương, trong cung thất có con chim sơn ca thuần dưỡng nào chăng?

-- Thưa Tôn giả, có chứ.

-- Tâu Đại vương, con sơn ca ấy héo mòn vì mong mỏi về rừng mỗi khi nó nhớ lại quãng đời cũ:

"Làm sao rời khỏi lồng này,

Làm sao trở lại rừng cây thân tình?"

Vì thế nó thốt tiếng kêu thứ tư, xin Đại vương chớ lo sợ vì việc ấy.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ tư:

Tiếng sơn ca:

Ước gì rời chốn cung đình!

Ước gì giải thoát thân mình tự do!

Hân hoan bay lượn rừng già,

Rồi ta xây tổ của ta trên cành.

Ngâm kệ xong, ngài thêm:

-- Tâu Đại vương, chim sơn ca ấy đang mòn mỏi đợi chờ, xin Đại vương thả nó ra.

Vua nghe theo lời ngài.

-- Tâu Đại vương, trong cung thất có con nai thuần dưỡng nào chăng?

-- Thưa Đại vương, con nai ấy là trưởng đoàn, nó nhớ nai cái và mòn mỏi vì nặng tình yêu thương nai cái nên nó thốt tiếng kêu thứ năm. Đại vương không nên sợ hãi chuyện ấy.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ năm:

Tiếng nai:

Ước gì rời chốn cung đình!

Ước gì giải thoát thân mình vui sao!

Uống dòng nước suối trong veo,

Dẫn đàn nai vẫn bước theo sau mình!

Bậc Đại sĩ làm cho con nai được giải thoát và nói tiếp:

-- Tâu Đại vương, có con khỉ thuần dưỡng nào ở trong cung chăng?

-- Thưa Tôn giả, có chứ.

-- Con khỉ ấy là trưởng đoàn khỉ ở vùng Tuyết Sơn, nó thích thú bầu bạn với đám khỉ cái. Trước kia, nó được một thợ săn tên Bharata đem về đây. Nay nó đang mòn mỏi mong ước trở về chốn cư ngụ xưa nên nó thốt tiếng kêu ấy. Xin Đại vương đừng sợ chuyện này.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ sáu:

Tiếng khỉ:

Lòng ta nặng trĩu dục tình

Với bao ước vọng thân mình nhiễm ô,

Bha-ta, lạp hộ bắt ta,

Ước mong phước lạc cả nhà như xưa!

Bậc Đại sĩ bảo thả con khỉ ra và tiếp tục nói:

-- Tâu Đại vương, có vị tiểu thần [1] nào ở trong cung chăng?

-- Thưa Tôn giả, có chứ.

-- Tâu Đại vương, vị thần ấy đang nhớ lại đời sống cũ với một nữ thần, vợ của mình, nên trong lúc khổ đau vì dục vọng đã thốt tiếng kêu thứ bảy. Một hôm vị ấy cùng vợ trèo lên đỉnh non cao. Hai vị lượm hoa và tô điểm cho nhau nhiều loại hoa đủ màu sắc hương thơm đặc biệt, nên không hề lưu ý rằng mặt trời đang lặn và bóng đêm bao trùm trong khi họ leo xuống. Nữ thần bảo: "Này chàng, trời tối rồi, chàng hãy xuống cẩn thận kẻo ngã." Và vừa nắm tay chồng, nàng vừa đưa chồng xuống. Chính vì nhớ lại các lời nói của vợ mà vị thần này thốt tiếng kêu. Đại vương không cần phải sợ chuyện ấy.

Do tri kiến của mình, ngài vừa giải thích trường hợp này một cách chính xác vừa ngâm vần kệ thứ bảy:

Tiếng vị thần:

Bóng đêm dày đặc kéo về

Trên non cao nọ từ bề cô đơn,

"Xin chàng đừng ngã trượt chơn",

Nàng khe khẽ nhắc bên sướng đá xưa.

Như vậy, bậc Đại sĩ giải thích tại sao vị thần thốt tiếng kêu và ngài bảo thả vị ấy ra, rồi nói tiếp:

-- Tâu Đại vương, còn âm thanh thứ tám là tiếng reo cực lạc. Một vị Độc giác Phật ở động Namdamùla biết rằng các hành [2] sắp đoạn tận đối với Ngài, liền đến nơi cư trú của quần chúng, và suy nghĩ: "Ta muốn đắc Niết bàn Vô dư y trong ngự viên của vua Ba La Nại. Quân hầu của vua sẽ chôn cất ta, làm lễ cúng dườngvà cung kính xá lợi của ta, nhờ vậy sẽ sinh lên cõi Thiên."

Ngài dùng thần lực bay đến đây và ngay khi vừa chạm mái hoàng cung, Ngài liền buông xả gánh nặng sinh tử và ca khúc hoan lạc làm chói sáng lối vào Niết bàn.

Rồi Bồ tát ngâm vần kệ thứ tám do vị Độc giác Phật cảm tác:

Tái sinh đã tận với ta,

Không vào thai mẹ từ giờ về sau,

Đây đời cuối ở địa cầu

Sắp tàn cùng mọi khổ đau phàm trần.

Cùng với những lời cực lạc này, Ngài đến ngự viên và đắc Niết bàn Vô dư y dưới gốc cây Sàla đang nở rộ hoa.

Sau đó, bậc Đại sĩ dẫn vua đến nơi vị Độc giác Phật đắc Niết bàn và chỉ cho vua phần nhục thân của Ngài. Thấy vậy, vua cùng đoàn quân đông đảo đem hương hoa đến làm lễ cúng dường.

Theo lời khuyên của Bồ tát, vua đình chỉ việc tế đàn, cho mọi sinh vật được sống, truyền rao trống lệnh khắp kinh thành cấm sát sinh, và cử thành đại lễ suốt bảy ngày, rồi làm lễ hỏa táng nhục thân vị Độc giác Phật rất trọng thể trên hỏa đài chất đầy hương liệu và xây tháp ở ngã tư đường.

Bồ tát thuyết giảng Chánh pháp cho vua và khuyên nhủ vua tinh cần. Sau đó ngài trở về Tuyết Sơn, thực thành Tứ vô lượng tâm [3] và không hề gián đoạn Thiền định nên được sinh lên Phạm Thiên giới.

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư bảo: "Này Đại vương, không có gì nguy hiểm cho Đại vương do các tiếng kêu ấy, vậy hãy đình chỉ tế đàn và ban sự sống cho các sinh vật này."

*

Rồi khi vua bảo truyền trống lệnh đi khắp kinh thành tha mạng các súc vật xong. Ngài nhận diện Tiền thân: - Thời ấy vua là Ànanda (A Nan), vị đệ tử Bà la môn là Sàriputta (Xá Lợi Phất) và ẩn sĩ khổ hạnh chính là Ta.

-ooOoo-

Nhận xét:

Vua Pasenadi (Ba Tư Nặc) là đệ tử Phật nhưng còn chấp thủ nhiều tà kiến và mê tín. Những giấc mộng hay những tiếng kêu lạ thường ban đêm khiến vua lo ngại và hỏi ý kiến các vị Bà la môn nên họ được dịp yêu cầu vua tổ chức đại lễ tế đàn để lấy cớ tránh cho vua khỏi bị các điều xui xẻo nhưng thực ra là để hưởng tư lợi. Các tế lễ tốn hao công quỹ này thường đi đôi với việc giết hại rất nhiều loại sinh vật.

Tuy nhiên bên cạnh vua còn có hoàng hậu Mallikà (Mạt Lợi) là một đệ tử tại gia đầy thành tín đối với Đức Phật ngay từ khi bà còn là thiếu nữ. Vì thế bà khuyên vua đi yết kiến Đức Phật để xin Ngài giải tỏa các mối nghi và làm cho vua được an tâm hủy bỏ việc tế lễ kia.

Trong tiền thân này, Đức Phật kể một chuyện cổ tích khi Ngài còn là Bồ tát đi tu khổ hạnh ở vùng Tuyết Sơn, Ngài cũng đã giải thích cho một vị vua nghe ý nghĩa thông thường của tiếng kêu các loài vật trong đời sống của chúng, không có liên hệ gì đến vận mạng của vua hay của đất nước, và đặc biệt trong chuyện này có tiếng reo cực lạc của một vị Độc giác Phật tượng trưng điềm lành lớn đã tạo điều kiện cho vua và quần chúng làm thiện sự đem lại phước đức thay vì làm tế lễ sát sinh.

Tóm lại, vua Pasenadi có thể được xem là người tiêu biểu hạng người theo đạo Phật, nhưng còn nhiều tà kiến về họa phước ở đời nên hao tài, nhưng may mắn thay bên cạnh học còn có các bạn lành đầy lòng thành tín và chánh kiến giúp họ trở về với chánh đạo.

Ghi chú:

[1] Vị tiểu thần: Ở Ấn Độ cổ đại có phong tục thờ cúng thần linh để canh giữ các kho tàng.

[2] Các hành: Các yếu tố tạo thành đời sống của một hữu thể.

[3] Tứ vô lượng tâm : bốn trạng thái tâm cao thượng: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Pháp tu này đưa đến tái sinh ở cõi Phạm Thiên.

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 78, tháng 09-2002)

-ooOoo-

Đầu trang | Mục lục

[Trở về trang Thư Mục]

last updated: 14-03-2003

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.